

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK.
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Thuận.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Văn Sáu – Cán bộ nghỉ hưu
2. Ông: Lê Đăng Huân – Giáo viên nghỉ hưu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2021/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2021 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HS ngày 28/5/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Châu A - Sinh ngày: 10/8/1993, tại: tỉnh Đ; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã P, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Châu T, sinh năm: 1948 (đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị T, sinh năm: 1958; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Châu A bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Thị T - Sinh ngày: 01/3/1967, tại tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã P, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Họ tên bố: Phan Văn L, sinh năm 1937 (đã chết); Họ tên mẹ: Trương Thị C, sinh năm 1938 (đã chết); Chồng: Hồ N, sinh năm: 1964; Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Phạm Thị T bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Thị G - Sinh ngày: 20/12/1968, tại: tỉnh Q; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã P, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Lê G, sinh năm 1941 (đã chết); Họ và tên mẹ: Phan Thị C, sinh năm 1943; Chồng, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Thị G bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Thị L; Sinh ngày: 01/02/1959, tại: tỉnh N; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã P, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Họ tên bố: Nguyễn Viết K (đã chết) Họ tên mẹ: Nguyễn Thị N (đã chết); Con: Có 05 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Thị L bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trần B - Sinh ngày: 23/01/1960; tại tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã P, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Họ tên bố: Trần Q, sinh năm: 1933 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1937 (đã chết); Vợ: Phạm Thị B, sinh năm: 1962; Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần B bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Ngô Đức Thế P - Sinh ngày: 24/3/2002, tại: tỉnh Đ; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã P, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Họ tên bố: Ngô Đức L, sinh năm: 1972; Họ tên mẹ: Lê Thị N, sinh năm: 1979; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Ngô Đức Thế P bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Bùi Thị M - Sinh ngày: 10/02/1970; tại tỉnh Thừa T; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã P, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Họ tên bố: Bùi Văn T, sinh năm: 1923 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị V, sinh năm: 1938 (đã chết); Chồng: Trương Văn N, sinh năm: 1971; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Bùi Thị M bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Phạm Thị Thanh X - Sinh ngày: 02/10/1957, tại: tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã P, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Họ tên bố: Phạm Văn N, sinh năm: 1920 (đã chết); Họ tên mẹ: Trương Thị T, sinh năm: 1936 (đã chết); Chồng: Lê Viết S, sinh năm: 1956; Con: bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án: không; Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi đánh bạc: Ngày 30/11/2020 bị Công an huyện K xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Bị cáo Phạm Thị Thanh X bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 04/01/1963; tại tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã Phú X, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Họ tên bố: Nguyễn M (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T (đã chết); Chồng: Phạm Văn T, sinh năm: 1962; Có 06 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Thị T bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Nguyễn Thị Thuý L - Sinh ngày: 23/02/1988, tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Tổ 4, TDP 3, thị trấn K, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Nguyễn Trường S, sinh năm: 1962; Họ tên mẹ: Phạm Thị T, sinh năm: 1964; Chồng: Phạm Sỹ Bảo L, sinh năm: 1985 (đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Thị Thuý L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/02/2021 đến nay. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Ngô Thị L - Sinh ngày: 12/6/1962; tại tỉnh T; Nơi ĐKNKTT và nơi ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã P, huyện K, Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Ngô G, sinh năm: 1933 (đã chết); Họ tên mẹ: Phạm Thị Q, sinh năm: 1937 (đã chết); Chồng: Trần B, sinh năm 1958; Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Ngô Thị L bị tạm giữ từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021, sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn C - Sinh năm: 1961, bà Trần Thị T - Sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, Đ.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Châu A, Phạm Thị T, Lê Thị G, Nguyễn Thị L, Trần B, Ngô Đức Thế P, Bùi Thị M, Phạm Thị Thanh X, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thuý L, Ngô Thị L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 15/02/2021 (mùng 4 tết Nguyên đán), Phạm Thị T, Lê Thị G và Ngô Thị L đến nhà vợ chồng ông Phạm Văn C bà Trần Thị T ở thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đ chúc Tết nhưng không có ai ở nhà. Cả ba đi vào ngồi trên một chiếc chiếu trên tấm bạt bên hông nhà chơi chờ bà T về thì có Trần B đi đến cùng vào ngồi chơi nói chuyện với T, G và L. Trong lúc ngồi chơi T, G, Lê và B nhìn thấy trên chiếc bàn gần đó có một bộ bài tú lơ khơ nên đã rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi bài xì lát thắng thua bằng tiền. Một lúc sau có Châu A, Ngô Đức Thế P, Phạm Thị Thanh X, Nguyễn Thị L, Bùi Thị M, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thuý L đi chơi chúc Tết, thấy nhóm T

đang đánh bạc ở nhà ông C nên cũng đến tham gia đánh bạc. Hình thức chơi bài như sau:

Chia bài: Dùng bộ bài 52 lá, nhà cái sẽ chia lần lượt mỗi người 02 lá. Các lá bài còn dư thì nhà cái cầm nhưng không được xem.

Tính điểm: Sau khi chia bài, mỗi người chơi (nhà con) sẽ tùy vào điểm số của mình mà tùy chọn bốc thêm bài hoặc dừng. Nhà cái sẽ bốc bài sau cùng. Các lá bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 thì số điểm tương ứng với con số; các lá bài J, Q, K thì mỗi lá được tính 10 điểm; lá bài A có thể linh hoạt là 01 điểm, 10 điểm hoặc 11 điểm. Tổng điểm là điểm của tất cả các lá bài trên tay cộng lại.

Giai đoạn 1: với 02 lá bài đầu tiên, nếu có bài sau đây sẽ dừng luôn để hưởng lợi: Xi bàn là 2 lá AA; Xi lát là 01 lá A và thêm một trong các lá 10, J, Q, K. Nếu nhà cái có bài như trên thì sẽ thắng hết nhà con, ngoại trừ nhà con có lá bài bằng hoặc cao hơn.

Giai đoạn 2: Sau khi tính điểm 02 lá, người chơi có quyền bốc thêm bài (nhưng không được bốc quá 03 lá) hoặc dừng sao cho số điểm nằm trong khoảng từ 16 đến 21 điểm. Bắt đầu từ bên phải (hoặc bên trái) của nhà cái, từng người sẽ bốc bài đến khi dừng. Nhà con phải có số điểm từ 16 điểm trở lên trước khi nhà cái kiểm bài, nếu không người đó bị xử thua luôn. Nhà cái sẽ so bài với tất cả nhà con. Nếu nhà cái hơn điểm của một nhà con nào đó thì sẽ được ăn phần cược của nhà con đó, ngược lại sẽ phải trả số tiền bằng nhà con đã cược. Nếu số điểm bằng nhau thì hoà. Trường hợp đặc biệt, nếu 05 lá bài mà tổng điểm nhỏ hơn hoặc bằng 21 (ngũ linh), người chơi thắng tuyệt đối. Trường hợp cả hai bên ngũ linh, ai ít điểm hơn sẽ thắng.

Quá trình đánh bạc các bị cáo đặt cược dao động từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng và quy định mỗi người làm nhà cái 03 ván, nếu ai không muốn làm nhà cái thì bỏ qua đến lượt người khác. Người nào làm cái mà thắng nhiều phải trích 10.000 đồng tiền xâu bỏ vào chiếc ống lon kim loại đặt trên chiếu bạc để trả cho chủ nhà công dọn nhà. Các bị can đánh bạc đến 17h30 cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện bắt quả tang.

Vật chứng vụ án thu giữ gồm: Thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 3.050.000 đồng, trong đó tiền trên chiếu bạc là 2.980.000 đồng; tiền xâu đựng trong vỏ lon sữa ông thọ là 70.000 đồng;

Thu giữ trên người trên người các bị cáo tổng số tiền 15.410.000 đồng. Trong đó: Phạm Thị T số tiền 4.010.000 đồng; Lê Thị G số tiền 2.167.000 đồng; Trần B số tiền 600.000 đồng; Châu A số tiền 4.150.000 đồng; Ngô Đức Thế P số tiền 624.000 đồng; Nguyễn Thị L số tiền 1.939.000 đồng; Nguyễn Thị Thúy L số tiền 1.920.000 đồng. 05 chiếc điện thoại di động của các bị cáo gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 màu trắng của Lê Thị G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 của Ngô Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu oppo F7 màu đỏ đen của Châu Á; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu xanh đen của Phạm Thị Thanh X; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của Nguyễn Thị L. 01 ống lon bằng kim loại dưới có dòng chữ “sữa ông thọ”, 01 chiếc chiếu cói màu đỏ trắng xanh, kích thước 160x200 cm; 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 tấm bạt màu cam xanh.

Quá trình điều tra xác định: Số tiền thu giữ của Phạm Thị T 4.010.000 đồng, Châu A 4.150.000 đồng, Trần B 600.000 đồng, Ngô Đức Thế P 624.000 đồng, Nguyễn Thị L 1.939.000 đồng đều được dùng để đánh bạc. Trong số tiền thu giữ của Lê Thị G 2.167.000đ thì G dùng 2.000.000 đồng để đánh bạc, thu giữ của Nguyễn Thị Thúy L 1.920.000 đồng không dùng để đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 16.373.000 đồng.

Cáo trạng số 32/KSĐT-HS ngày 10/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Phạm Thị T, Lê Thị G, Ngô Thị L, Trần B, Châu A, Ngô Đức Thế P, Phạm Thị Thanh X, Nguyễn Thị L, Bùi Thị M, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thúy L về tội: “*đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã công bố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh rõ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS.

Xử phạt các bị cáo Châu A, Phạm Thị T, Lê Thị G và Ngô Thị L mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 15 đến 20 triệu đồng.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS.

Xử phạt các bị cáo Trần B, Ngô Đức Thế P, Phạm Thị Thanh X, Nguyễn Thị L, Bùi Thị M, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thúy L mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 BLTTHS. Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự: Đề nghị tịch thu sung công số tiền 16.373.000 đồng của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy L số tiền 1.920.000 đồng và bị cáo Lê Thị G số tiền 167.000 đồng đây là số tiền các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc.

Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả: 01 ống lon bằng kim loại; 01 chiếc chiếu cói màu đỏ trắng xanh; 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 tấm bạt màu cam xanh cho gia đình ông Phạm Văn C là chủ sở hữu. Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 cho bị cáo Lê Thị G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 cho bị cáo Ngô Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 cho bị cáo Châu Á; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 cho bị cáo Phạm Thị Thanh X và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 cho bị cáo Nguyễn Thị L.

Các bị cáo không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện: Do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên khoảng 16h00 ngày 15/02/2021, tại nhà ông Phạm Văn C ở thôn X, xã P, huyện K Phạm Thị T, Lê Thị G, Ngô Thị L, Trần B, Châu A, Ngô Đức Thế P, Phạm Thị Thanh X, Nguyễn Thị L, Bùi Thị M, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thúy L đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài xì lát thắng thua bằng tiền. Trong đó bị cáo T sử dụng 4.010.000 đồng, bị cáo Giao sử dụng 2.000.000 đồng, bị cáo L sử dụng 100.000 đồng, bị cáo b sử dụng 700.000 đồng, bị cáo A sử dụng 4.150.000 đồng, bị cáo P sử dụng 724.000 đồng, bị cáo X sử dụng 500.000 đồng, bị cáo L sử dụng 1.989.000 đồng, bị cáo M sử dụng 500.000 đồng, bị cáo T sử dụng 300.000 đồng và bị cáo L sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc thu trên chiếu bạc và trên người các con bạc là 16.373.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là những công dân có đủ khả năng nhận thức, biết rõ đánh bạc trái phép là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, với động cơ vụ lợi nên các bị cáo tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài xì lát thắng thua bằng tiền. Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần có một hình phạt tương ứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra, để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên cần phân tích các hành vi của các bị cáo để đưa ra hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo tham gia đánh bạc.

[4.1] Trong vụ án này bị cáo Châu A, Lê Thị G dùng số tiền lớn nhất để tham gia đánh bạc. Do đó các bị cáo phải chịu một mức hình phạt cao nhất so với các bị cáo khác. Tiếp theo là các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T cũng dùng số tiền lớn tiếp theo để Tham gia đánh bạc, vì vậy cũng cần có một hình phạt tương ứng với hành vi của các bị cáo gây ra.

[4.2] Đối với các bị cáo Ngô Đức Thế P, Phạm Thị Thanh X, Trần B, Nguyễn Thị L, Bùi Thị M, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thúy L cũng tham gia đánh bạc một cách tích cực vì vậy cũng cần mức hình phạt cho phù hợp đối với các bị cáo.

[4.3] Tuy nhiên xét nhân thân các bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, sau khi phạm tội bị xử lý các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo. Các bị cáo phạm tội đánh bạc lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số lượng tiền dùng vào đánh bạc không nhiều. Đối với bị cáo Trần B đã từng tham gia quân đội ở chiến đấu ở chiến trường Tây Nam, bị cáo Phạm Thị Thanh X đã từng tham gia thanh niên xung phong, bị cáo Châu A có mẹ tham gia nghĩa vụ quốc tế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định trong bộ luật hình sự. Do đó khi xem xét lượng hình HĐXX cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính chất khoan hồng của pháp luật Nhà Nước. Đối với các bị cáo đều phạm tội lần đầu và đều có nơi cư trú rõ ràng nên có căn cứ chấp nhận đề của đại diện Viện kiểm sát, không cần

thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà có thể cho các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[5] Xét các bị cáo phạm tội đa phần là người cao tuổi, hộ cận nghèo và làm nông do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Trong vụ án này còn có vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Trần Thị T là chủ nhà khi các bị cáo đánh bạc tại nhà ông, bà không có ở nhà nên không biết việc các bị cáo đánh bài. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý về hình sự đối với ông C, bà T là đúng quy định.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 BLTTHS. Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu xung công số tiền 16.373.000 đồng của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy L số tiền 1.920.000 đồng và bị cáo Lê Thị G số tiền 167.000 đồng đây là số tiền các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc. Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả: 01 ống lon bằng kim loại; 01 chiếc chiếu cói màu đỏ trắng xanh; 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 tấm bạt màu cam xanh cho gia đình ông Phạm Văn C là chủ sở hữu. Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 cho bị cáo Lê Thị G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 cho bị cáo Ngô Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 cho bị cáo Châu A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 cho bị cáo Phạm Thị Thanh X và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 cho bị cáo Nguyễn Thị L.

[8] Về án phí: Các bị cáo Trần B, Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm vì là hộ cận nghèo (Có xác nhận của chính quyền địa phương), bị cáo Phạm Thị Thanh X, Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo còn lại phải chịu tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị T, Lê Thị G, Ngô Thị L, Trần B, Châu A, Ngô Đức Thế P, Phạm Thị Thanh X, Nguyễn Thị L, Bùi Thị M, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thúy L phạm tội “*đánh bạc*”.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* **Châu A** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* **Lê Thị G** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- *Xử phạt:* **Nguyễn Thị L** 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- *Xử phạt:* **Phạm Thị T** 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Châu A, Lê Thị G, Nguyễn Thị L và Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* **Phạm Thị Thanh X** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* **Ngô Đức Thế P** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* **Trần B** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* **Bùi Thị M** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- *Xử phạt:* **Ngô Thị L** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- *Xử phạt:* **Nguyễn Thị T** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Phạm Thị Thanh X, Ngô Đức Thế P, Trần B, Bùi Thị M, Ngô Thị L, Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Phú X, huyện K, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* **Nguyễn Thị Thúy L** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 16/02/2021 đến ngày 22/02/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thúy L cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tuyên tịch thu sung công số tiền 16.373.000 đồng. Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thúy L số tiền 1.920.000 đồng và bị cáo Lê Thị G số tiền 167.000 đồng. *(đặc điểm các tang vật như biên bản lai thu tiền số 60AA/2021/0001255 ngày 14/5/2021).*

Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả: 01 ống lon bằng kim loại; 01 chiếc chiếu cói màu đỏ trắng xanh; 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 tấm bạt màu cam xanh cho gia đình ông Phạm Văn C.

Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 cho bị cáo Lê Thị G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 cho bị cáo Ngô Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 cho bị cáo Châu A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 cho bị cáo Phạm Thị Thanh X và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 cho bị cáo Nguyễn Thị L.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Phạm Thị T, Lê Thị G, Ngô Thị L, Châu A, Ngô Đức Thế P, Bùi Thị M và Nguyễn Thị Thúy L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Trần B, Phạm Thị Thanh X, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Bị cáo; Đương sự
- Lưu HSVA, VPTA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.**

Đã ký

Phạm Minh Thuận